



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC**

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800001347 lần đầu ngày 16/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/12/2020.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lộc (không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa;
- Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng;
- Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước
- Xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh;

Trụ sở chính của Công ty tại 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Tiên	Chủ tịch
Ông Lê Kim Hiền	Thành viên
Ông Phan Huy Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Vượng	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Phạm Thanh Kem	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Minh	Thành viên
Bà Bùi Thị Hải Yến	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Kim Hiền	Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Giám đốc	
Ông Hồ Đình Dũng	Phó Giám đốc	(Từ ngày 01/08/2022)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Duy Tiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Kim Hiền – Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Bảo Lộc, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch

CÔNG PHÁN

CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ

BẢO LỘC

T. NAM VIỆT

Đ. S. Đ.

Nguyễn Duy Tiên

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Lê Kim Hiền

Lê Kim Hiền

Lê Kim Hiền

Lê Kim Hiền

Lê Kim Hiền

Lê Kim Hiền

Số : 33-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bào Lộc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bào Lộc, được lập ngày 23/03/2023, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bào Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Nguyễn Ngọc Tuấn
Chứng nhận Đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Bích Nguyệt
Chứng nhận Đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4817-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.150.236.044	32.332.659.510
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.261.537.214	14.488.053.121
1. Tiền	111		9.158.204.717	8.461.875.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.103.332.497	6.026.178.082
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.869.791.087	16.642.936.355
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.742.514.158	11.372.594.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.047.080.470	4.790.466.916
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.904.880.331	1.872.313.766
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(824.683.872)	(1.392.438.372)
III. Hàng tồn kho	140		937.639.543	1.120.401.834
1. Hàng tồn kho	141	V.6	937.639.543	1.120.401.834
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.268.200	81.268.200
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	81.268.200	81.268.200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.470.468.236	6.511.420.830
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	23.800.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	-	23.800.000
II. Tài sản cố định	220		4.486.576.989	5.355.042.989
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.486.576.989	5.355.042.989
- Nguyên giá	222		13.535.946.500	13.535.946.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.049.369.511)	(8.180.903.511)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.983.891.247	1.132.577.841
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.983.891.247	1.132.577.841
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		33.620.704.280	38.844.080.340

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.949.456.168	18.406.192.180
I. Nợ ngắn hạn	310		12.949.456.168	18.406.192.180
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	2.039.587.750	4.112.371.423
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.200.000	100.655.537
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	779.628.904	1.359.290.385
4. Phải trả người lao động	314		5.568.244.435	6.232.383.729
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	670.752.127	471.577.577
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	3.256.693.366	5.185.526.591
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		631.349.586	944.386.938
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.13	20.671.248.112	20.437.888.160
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.891.328.542	19.657.968.590
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.582.480.000	15.582.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.582.480.000	15.582.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.112.037.052	801.930.965
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.196.811.490	3.273.557.625
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		172.496.754	172.496.754
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.024.314.736	3.101.060.871
II. Nguồn kinh phí	430		779.919.570	779.919.570
1. Nguồn kinh phí	431	V.14	779.919.570	779.919.570
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		33.620.704.280	38.844.080.340

Người lập biểu



Đinh Công Văn

Ngày 23 tháng 3 năm 2023

Kế toán trưởng



Lưu Quang Tuấn



Lê Kim Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		53.837.219.515	48.061.054.249
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	53.837.219.515	48.061.054.249
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	43.459.664.182	38.812.179.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.377.555.333	9.248.874.968
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	145.582.574	86.209.219
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	6.761.559.757	4.908.890.935
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.761.578.150	4.426.193.252
11. Thu nhập khác	31	VI.5	126.523.472	305.303.213
12. Chi phí khác	32	VI.6	73.173.719	546.428.611
13. Lợi nhuận khác	40		53.349.753	(241.125.398)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.814.927.903	4.185.067.854
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	790.613.167	1.084.006.983
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.024.314.736	3.101.060.871
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.456	1.493

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Công Văn

Lưu Quang Tuấn

Lê Kim Hiền

Ngày 23 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.814.927.903	4.185.067.854
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	868.466.000	1.109.766.624
- Các khoản dự phòng	03	(567.754.500)	(48.466.500)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(145.582.574)	(34.109.219)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.970.056.829	5.212.258.759
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.364.699.768	(1.481.118.532)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	182.762.291	(408.498.665)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(4.509.229.273)	344.703.782
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(851.313.406)	(305.183.241)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.425.082.554)	(608.924.430)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.088.302.569)	(391.893.019)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(356.408.914)	2.361.344.654
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay	27	145.582.574	86.209.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	145.582.574	86.209.219
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.015.689.567)	(2.001.972.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.015.689.567)	(2.001.972.390)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.226.515.907)	445.581.483
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.488.053.121	14.042.471.638
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.261.537.214	14.488.053.121

Người lập biểu

Đinh Công Văn

Ngày 23 tháng 3 năm 2023

Kế toán trưởng

Lưu Quang Tuấn

Giám đốc



Lê Kim Hiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800001347 lần đầu ngày 16/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/12/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 165 người (tại ngày 31/12/2021 là 163 người)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lộc (không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa;
- Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng;
- Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước
- Xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	10 – 15 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

14. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;
- Chi phí phải trả;
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	468.817.051	211.996.243
+ Tại Văn Phòng	468.817.051	205.594.232
+ Tại Xí nghiệp vật liệu xây dựng	-	6.402.011
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.689.387.666	8.249.878.796
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>3.103.332.497</u>	<u>6.026.178.082</u>
Cộng	<u>12.261.537.214</u>	<u>14.488.053.121</u>

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng, hưởng lãi suất từ 3,3%/năm đến 5,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là từ 3,3%/năm đến 3,5%/năm).

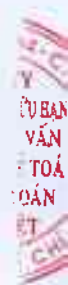
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Bên thứ ba		
Ngân sách thành phố Bảo Lộc	7.131.796.536	9.094.493.085
Công ty TNHH Nguyễn Thanh	100.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	-	1.202.683.500
Phải thu khách hàng khác	<u>510.717.622</u>	<u>775.417.460</u>
Cộng	<u>7.742.514.158</u>	<u>11.372.594.045</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.5 thì không có khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Bên thứ ba		
Liên doanh Công ty Tư vấn xây dựng miền Đông & TAA	1.957.651.983	1.957.651.983
Công ty TNHH Xây dựng Thuận Tiến	893.692.000	893.692.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Khánh Phát	385.981.000	385.981.000
Bùi Thanh Tùng	-	283.540.123
Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Quốc Minh	-	100.000.000
Trả trước cho người bán khác	<u>709.755.487</u>	<u>1.169.601.810</u>
Cộng	<u>4.047.080.470</u>	<u>4.790.466.916</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.5 thì không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

4. Phải thu khác

	31/12/2022	01/01/2022
Phải thu ngắn hạn khác là Bên thứ ba	2.904.880.331	1.872.313.766
Tạm ứng	1.507.277.958	149.091.293
Ngân sách thành phố Bảo Lộc	199.797.493	565.279.446
Khu nghỉ dưỡng hồ Nam Phương 2	565.279.446	300.258.070
Kỳ quỹ ký cược ngắn hạn	300.258.070	199.797.493
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	-	100.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	332.267.364	557.887.464
Phải thu dài hạn khác là Bên thứ ba	-	23.800.000
Kỳ quỹ ký cược dài hạn	-	23.800.000
Cộng	2.904.880.331	1.896.113.766

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.5 thì không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	308.080.668	(308.080.668)	1.510.764.168	(775.835.168)
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Huỳnh Tam Long	147.937.068	(147.937.068)	147.937.068	(147.937.068)
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đại Phúc Đạt	99.815.000	(99.815.000)	99.815.000	(99.815.000)
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	-	-	1.202.683.500	(467.754.500)
Dự phòng khó đòi khác	60.328.600	(60.328.600)	60.328.600	(60.328.600)
Phải thu khác	300.258.070	(300.258.070)	400.258.070	(400.258.070)
Khu nghỉ dưỡng hồ Nam Phương 2	300.258.070	(300.258.070)	300.258.070	(300.258.070)
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	-	-	100.000.000	(100.000.000)
Trả trước người bán	216.345.134	(216.345.134)	216.345.134	(216.345.134)
Công ty Tư vấn xây dựng Sông Hồng	116.345.134	(116.345.134)	116.345.134	(116.345.134)
Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Quốc Minh	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
Cộng	824.683.872	(824.683.872)	2.127.367.372	(1.392.438.372)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	787.968.119	-	947.176.369	-
Công cụ, dụng cụ	74.824.397	-	71.765.900	-
Thành phẩm	74.847.027	-	101.459.565	-
Cộng	937.639.543	-	1.120.401.834	-

	31/12/2022	01/01/2022
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	937.639.543	1.120.401.834

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	367.862.374	206.310.000
Chi phí trả trước dài hạn khác ở Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu	-	115.603.704
Chi phí trả trước phân bổ dài hạn khác	1.616.028.873	810.664.137
Cộng	1.983.891.247	1.132.577.841

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.643.821.570	445.678.612	11.373.206.318	73.240.000	13.535.946.500
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.643.821.570	445.678.612	11.373.206.318	73.240.000	13.535.946.500
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.238.946.007	363.177.613	6.505.539.891	73.240.000	8.180.903.511
Số tăng trong năm	37.368.000	22.000.000	809.098.000	-	868.466.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.276.314.007	385.177.613	7.314.637.891	73.240.000	9.049.369.511
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	404.875.563	82.500.999	4.867.666.427	-	5.355.042.989
Tại ngày cuối năm	367.507.563	60.500.999	4.058.568.427	-	4.486.576.989
				31/12/2022	01/01/2022
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				4.677.030.379	4.677.030.379



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Bên thứ ba		
Xi nghiệp dịch vụ môi trường	332.679.313	-
Công ty CP Kỹ thuật Đông Phương	317.498.936	456.686.998
Công ty TNHH Xăng dầu Xuân An	298.173.000	-
Công ty TNHH Nguyễn Thanh Hoàn	131.600.000	483.553.743
Cửa hàng cơ sở sắt Phạm Văn Toàn	82.708.205	762.404.771
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	-	343.401.300
Hoa kiếng Tuấn Thủy	-	320.566.000
Phải trả người bán khác	876.928.296	1.745.758.611
Cộng	<u>2.039.587.750</u>	<u>4.112.371.423</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

10. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	<u>01/01/2022</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp/hoàn trong năm</u>	<u>31/12/2022</u>
Phải nộp	1.359.290.385	2.922.352.319	3.502.013.800	779.628.904
Thuế giá trị gia tăng	501.134.080	2.032.804.400	1.978.636.494	555.301.986
Thuế thu nhập doanh nghiệp	854.707.402	790.613.167	1.425.082.554	220.238.015
Thuế thu nhập cá nhân	320.000	95.934.752	95.294.752	960.000
Thuế tài nguyên	3.128.903	-	-	3.128.903
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	81.268.200	1.999.873.857	1.999.873.857	81.268.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	81.268.200	1.999.873.857	1.999.873.857	81.268.200

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Bên thứ ba		
Chi phí phải trả khác	670.752.127	471.577.577
Cộng	<u>670.752.127</u>	<u>471.577.577</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Kinh phí công đoàn	202.203.825	164.611.522
Bảo hiểm xã hội	-	6.558.136
Ngân sách thành phố Bảo Lộc	3.000.986.859	3.000.986.859
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt (*)	-	1.655.000.000
Công ty TNHH TMDV Trương Vũ (*)	-	104.999.998
Phải trả ngắn hạn khác	53.502.682	253.370.076
Cộng	<u>3.256.693.366</u>	<u>5.185.526.591</u>

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng số 02/HDHTKD ngày 20/10/2013 giữa liên doanh Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc - Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt - Công ty TNHH TMDV Trương Vũ.

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.582.480.000	493.935.213	3.252.454.276	19.328.869.489
Lãi trong năm trước			3.101.060.871	3.101.060.871
Trích lập các quỹ		307.995.752	(1.077.985.132)	(769.989.380)
Chia cổ tức			(2.001.972.390)	(2.001.972.390)
Số dư cuối năm trước	15.582.480.000	801.930.965	3.273.557.625	19.657.968.590
Số dư đầu năm nay	15.582.480.000	801.930.965	3.273.557.625	19.657.968.590
Lãi trong năm nay			3.024.314.736	3.024.314.736
Trích lập các quỹ		310.106.087	(1.085.371.304)	(775.265.217)
Chia cổ tức			(2.015.689.567)	(2.015.689.567)
Số dư cuối năm nay	15.582.480.000	1.112.037.052	3.196.811.490	19.891.328.542

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	%	<u>31/12/2022</u>	%	<u>01/01/2022</u>
Vốn góp của nhà nước	61,42	9.570.110.000	61,42	9.570.110.000
Các cổ đông khác	38,58	6.012.370.000	38,58	6.012.370.000
Cộng	100	<u>15.582.480.000</u>	100	<u>15.582.480.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	15.582.480.000	15.582.480.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.582.480.000	15.582.480.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	2.015.689.567	2.001.972.390

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2022</u> Cổ phiếu	<u>01/01/2022</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.558.248	1.558.248
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu phổ thông	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu phổ thông	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

14. Nguồn kinh phí

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	779.919.570	779.919.570
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	779.919.570	779.919.570

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh và công ích	53.837.219.515	48.061.054.249
Cộng	53.837.219.515	48.061.054.249

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động kinh doanh và công ích	43.459.664.182	38.812.179.281
Cộng	43.459.664.182	38.812.179.281

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	145.582.574	86.209.219
Cộng	145.582.574	86.209.219

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.887.882.761	2.647.078.168
Chi phí khấu hao	178.692.000	191.998.624
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(567.754.500)	(48.466.500)
Các khoản chi phí quản lý khác	4.262.739.496	2.118.280.643
Cộng	6.761.559.757	4.908.890.935

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	126.523.472	305.303.213
Cộng	126.523.472	305.303.213

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản vi phạm	-	462.152.920
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	52.100.000
Chi phí khác	73.173.719	32.175.691
Cộng	73.173.719	546.428.611

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.814.927.903	4.185.067.854
Các khoản điều chỉnh	138.137.933	440.344.915
- Các khoản điều chỉnh tăng	138.137.933	571.128.611
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	130.783.696
Tổng lợi nhuận tính thuế	3.953.065.836	4.625.412.769
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN trong năm	790.613.167	925.082.553
Chi phí thuế TNDN các năm trước	-	158.924.430
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	790.613.167	1.084.006.983

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.024.314.736	3.101.060.871
Các khoản điều chỉnh	(756.078.684)	(775.265.218)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.268.236.052	2.325.795.653
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.558.248	1.558.248
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.456	1.493

Ghi chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay tạm trích 10% Quỹ Khen thưởng, 10% Phúc lợi và 5% Quỹ khen thưởng Ban điều hành để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.116.735.346	12.744.776.172
Chi phí nhân công	21.872.561.658	20.194.855.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	868.466.000	1.109.766.624
Chi phí dự phòng hoàn nhập	(567.754.500)	(48.466.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	9.904.602.897	9.505.153.350
Cộng	50.194.611.401	43.506.085.267

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị			
Nguyễn Duy Tiên	Chủ tịch	-	-
Lê Kim Hiền	Thành viên	38.400.000	38.400.000
Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	38.400.000	38.400.000
Nguyễn Đức Vượng	Thành viên	36.200.000	38.400.000
Phan Huy Thanh	Thành viên	38.400.000	38.400.000
Thù lao Ban kiểm soát			
Phạm Thanh Kem	Trưởng Ban	-	-
Phạm Văn Minh	Thành viên	21.600.000	21.600.000
Bùi Thị Hải Yến	Thành viên	21.600.000	21.600.000
Lương, thưởng Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc			
Nguyễn Duy Tiên	Chủ tịch HĐQT	321.588.077	277.894.359
Lê Kim Hiền	Thành viên HĐQT – Kiểm Giám đốc	316.144.245	280.800.514
Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên HĐQT - Kiểm Phó Giám đốc	267.083.351	233.509.930
Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	-	3.200.000
Phan Huy Thanh	Thành viên HĐQT	5.000.000	9.700.000
Hồ Đình Dũng	Phó Giám đốc	186.749.465	-
Lương thưởng Ban kiểm soát			
Phạm Thanh Kem	Trưởng Ban	121.214.096	177.742.963
Phạm Văn Minh	Thành viên	3.400.000	7.300.000
Bùi Thị Hải Yến	Thành viên	90.413.333	56.411.971

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

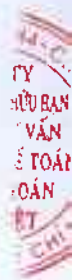
Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các dịch vụ công ích nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

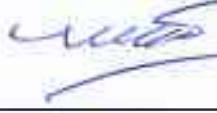
Người lập biểu



Đinh Công Văn

Ngày 23 tháng 3 năm 2023

Kế toán trưởng



Lưu Quang Tuấn



Lê Kim Hiền

